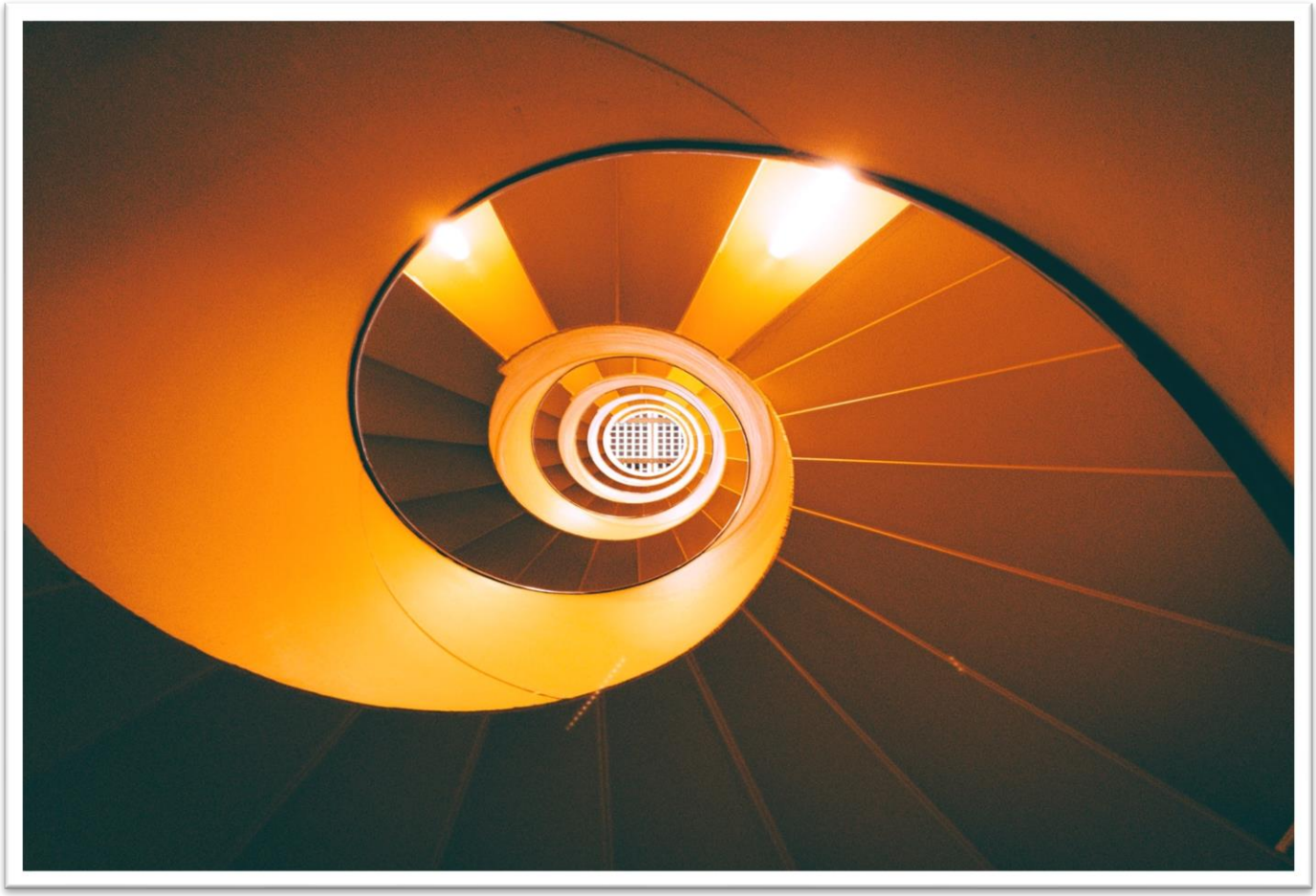

Newsletter

09/2020

TIN TIÊU ĐIỂM

- Quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA
- Một số hướng dẫn mới về lệ phí môn bài

TRANG BÌNH LUẬN

Một số bình luận về Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án 2020

legalnewsletters@nhquang.com
www.nhquang.com

Văn phòng Hà Nội
Biệt thự B23, Trung Hòa-Nhân Chính
Phố Nguyễn Thị Định, Quận Thanh Xuân
ĐT: +84 24 35376939

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh
Lầu 1, Toà nhà Harmony, Số 47-49-51
Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1
ĐT: +84 28 38226290

NGHIÊN CỨU VÀ VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Ngày 21/08/2020, trong khuôn khổ Dự án "Tăng cường năng lực xây dựng pháp luật của Văn phòng Chính phủ", Văn phòng Chính phủ phối hợp với Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ) tổ chức Tọa đàm tham vấn các chuyển gia về đổi mới, hoàn thiện chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Luật sư Nguyễn Hưng Quang được mời tham dự Hội thảo với tư cách chuyên gia góp ý. Tham dự Hội thảo còn có đại diện của Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp), Tổ chức GIZ cũng các chuyên gia trong lĩnh vực tuyến truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Tại Hội thảo, các chuyên gia đã trình bày tham luận, đóng góp ý kiến cho Dự thảo Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân nhằm hoàn thiện các quy định của Dự thảo Kế hoạch, tăng cường hiệu quả, chất lượng thực thi của văn bản này trên thực tế.

Tin tiêu điểm

Kinh doanh - Thương mại

Quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA

Kim Anh

Tên văn bản: Thông tư 11/2020/TT-BCT quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (**Thông tư 11**)

Ngày có hiệu lực: 01/08/2020

- **Một số nội dung chính:**

Để thực hiện những cam kết về xuất xứ hàng hóa tại Nghị định thư 1 của Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (**EVFTA**), Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư 11 có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 để quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định này. Thông tư này bao gồm một số nội dung nổi bật và đáng chú ý sau:

Thứ nhất, quy định về các loại hàng hóa được coi là có xuất xứ[1], bao gồm:

(i) Hàng hóa có xuất xứ thuần túy tại một nước thành viên: bao gồm hàng hóa được hình thành một cách tự nhiên trong lãnh thổ Việt Nam hoặc EU. Ví dụ như: khoáng sản khai thác từ lòng đất hoặc đáy biển của nước thành viên; cây trồng và sản phẩm cây trồng được trồng và thu hoạch hoặc thu lượm tại nước thành viên; động vật sống được sinh ra và nuôi dưỡng tại Nước thành viên…

(ii) Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy: bao gồm các hàng hóa được tạo ra tại một nước thành viên từ nguyên liệu không có xuất xứ với điều kiện nguyên liệu đó phải trải qua các công đoạn gia công hoặc chế biến đầy đủ đáp ứng Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 11.

Ngoài ra, Thông tư 11 còn quy định ngoại lệ về hàng hóa có xuất xứ được xác định theo nguyên tắc cộng gộp[2]: Hàng hóa sẽ được coi là có xuất xứ tại nước thành viên xuất khẩu nếu được sản xuất từ nguyên liệu có xuất xứ tại nước thành viên khác, công đoạn gia công, chế biến được thực hiện tại nước thành viên xuất khẩu khác công đoạn gia công, chế biến đơn giản như công đoạn bảo quản để giữ sản phẩm trong tình trạng tốt trong quá trình vận chuyển và lưu kho; tháo dỡ và lắp ghép kiện hàng (với điều kiện các công đoạn này không dùng kỹ năng đặc biệt hoặc máy móc, thiết bị hay công cụ được sản xuất hoặc lắp đặt chuyên dụng).

Thứ hai, quy định về cơ chế chứng minh xuất xứ hàng hóa. Việc chứng minh xuất xứ hàng hóa để được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA sẽ được thực hiện theo một trong hai cơ chế[3] là:

(i) Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa; và

(ii) Xin cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O, mẫu EUR.1)

Đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ cho lô hàng có trị giá nhỏ hơn hoặc bằng 6.000 Euro. Việc chứng nhận xuất xứ cho lô hàng có trị giá trên 6.000 Euro áp dụng cơ chế C/O do cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền cấp. Ở chiều ngược lại, đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ cho lô hàng có trị giá nhỏ hơn hoặc bằng 6.000 Euro. Với lô hàng có trị giá trên 6.000 Euro, chỉ có nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định của EU mới được tự chứng nhận xuất xứ.[4]

Thứ ba, quy định về nguyên tắc lãnh thổ[5]. Nội dung của nguyên tắc này như sau:

(i) Các điều kiện quy định tại Chương II Thông tư 11 (điều kiện về khai thác, chế biến, gia công hàng hóa…) phải được thực hiện hoàn toàn và không gián đoạn tại một nước thành viên;

(ii) Trong trường hợp hàng hóa có xuất xứ được xuất khẩu từ một nước thành viên, sau đó tái nhập từ một nước không phải thành viên EVFTA, hàng hóa tái nhập được coi là không có xuất xứ, trừ khi chứng minh được 02 yếu tố sau theo yêu cầu của cơ quan hải quan:

- Hàng hóa tái nhập chính là hàng hóa đã được xuất khẩu đi.
- Hàng hóa tái nhập không trải qua công đoạn vượt quá công đoạn cần thiết để bảo quản hàng hóa trong điều kiện tốt trong quá trình lưu kho ở nước không phải thành viên EVFTA hoặc trong quá trình xuất khẩu.

- **Một số bình luận và khuyến nghị:**

Thông tư 11 là văn bản pháp lý quan trọng, được ban hành nhanh chóng và kịp thời để hướng dẫn doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu cũng như các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực thi quy tắc xuất xứ hàng hóa tại Hiệp định EVFTA. Có thể thấy rằng, Thông tư 11 cung cấp những quy định rõ ràng và dễ tiếp cận hơn so với các quy định trong EVFTA để doanh nghiệp Việt Nam có thể dễ dàng hiểu và áp dụng. Đồng thời, Thông tư 11 cũng cụ thể hóa các quy định trong EVFTA về thủ tục cấp C/O.

So với các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đang tham gia, quy tắc xuất xứ trong EVFTA có nhiều điểm mới và phức tạp hơn, cả về cách diễn đạt tiêu chí và các quy định kèm theo. Ví dụ như quy tắc về cộng gộp xuất xứ với nguyên liệu từ nước không phải thành viên Hiệp định, cơ chế chứng nhận và xác minh xuất xứ hàng hóa xuất xứ, chia nhỏ hàng hóa ở nước thứ ba ngoài Hiệp định, điều khoản đặc biệt về lãnh thổ…[6] Do vậy, doanh nghiệp Việt Nam cần hiểu đúng về các quy định tại Thông tư 11 để nắm bắt những ưu đãi về thuế quan mà EVFTA mang lại ngay từ lúc Hiệp định vừa có hiệu lực; đồng thời có phương án để tăng sức cạnh tranh trong bối cảnh hàng hóa từ châu Âu vào Việt Nam cũng sẽ được giảm thuế quan theo Hiệp định này.

Thuế

Một số hướng dẫn mới về lệ phí môn bài

Mỹ Hiệp

Tên văn bản: Thông tư 65/2020/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 302/2016/TT-BTC hướng dẫn về lệ phí môn bài (**Thông tư 65**)

Ngày có hiệu lực: 23/08/2020

- **Một số nội dung chính:**

Nhằm hướng dẫn chi tiết các quy định của Nghị định 22/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 139/2016/NĐ-CP quy định về lệ phí môn bài (**Nghị định 22**) và các văn bản hướng dẫn hiện hành, ngày 09/07/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 65 với một số nội dung chủ yếu như sau:

Thứ nhất, bổ sung đối tượng được miễn lệ phí môn bài. Theo đó, doanh nghiệp[7] thuộc các đối tượng sau sẽ được miễn lệ phí môn bài[8]:

(i) Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (**Đơn vị phụ thuộc**) của doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tại địa bàn miền núi được miễn lệ phí môn bài trong toàn bộ quá trình hoạt động. Địa bàn miền núi được xác định theo quy định của Ủy ban Dân tộc;

(ii) Các doanh nghiệp mới thành lập (được cấp mã số thuế mới, mã số doanh nghiệp mới) sẽ được miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập hoặc ra hoạt động, kinh doanh. Trong thời gian được miễn lệ phí môn bài, nếu doanh nghiệp thành lập Đơn vị phụ thuộc thì Đơn vị phụ thuộc đó cũng được miễn lệ phí môn bài trong khoảng thời gian này.

Trường hợp doanh nghiệp được thành lập trước ngày 25/02/2020 và thành lập Đơn vị phụ thuộc từ ngày này (nếu có) thì việc nộp lệ phí môn bài của doanh nghiệp và Đơn vị phụ thuộc được thực hiện theo quy định tại Nghị định 139/2016/NĐ-CP quy định về lệ phí môn bài (**Nghị định 139**);

(iii) Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trong thời gian được miễn lệ phí môn bài, nếu Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp được thành lập thì cũng được miễn lệ phí môn bài trong khoảng thời gian nêu trên.

Trường hợp Đơn vị phụ thuộc được thành lập kể từ ngày 25/02/2020 thì thời gian miễn lệ phí môn bài của các Đơn vị phụ thuộc đó được tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đến hết thời gian doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn lệ phí môn bài;

Nếu Đơn vị phụ thuộc được thành lập trước ngày 25/02/2020 và thuộc diện miễn lệ phí môn bài theo Điều 16 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thì thời gian miễn lệ phí môn bài của Đơn vị phụ thuộc được tính từ ngày 25/02/2020 đến hết thời gian doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn lệ phí môn bài.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh trước ngày 25/02/2020 thực hiện miễn lệ phí môn bài theo Điều 16 và Điều 35 của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ hai, sửa đổi quy định về thời hạn khai và nộp lệ phí môn bài đối với các đối tượng mới ra hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc mới thành lập. Theo đó, thay vì phải khai và nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng hoạt động sản xuất kinh doanh đối với trường hợp mới ra hoạt động kinh doanh (hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đăng ký thuế đối với trường hợp mới thành lập cơ sở kinh doanh nhưng chưa hoạt động)[9] thì theo quy định mới, thời hạn này được điều chỉnh đến chậm nhất là ngày 30 tháng 01 của năm sau năm mà doanh nghiệp mới ra hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc mới thành lập[10].

- **Một số bình luận và khuyến nghị:**

Việc bổ sung các đối tượng được miễn lệ phí môn bài được đánh giá là sẽ giúp doanh nghiệp giảm chi phí hoạt động, tăng hiệu quả kinh doanh và khuyến khích đầu tư tư nhân, đặc biệt trong thành lập doanh nghiệp mới và khuyến khích các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp[11].

Các doanh nghiệp cần cập nhật các quy định về miễn lệ phí môn bài tại Thông tư 65, nội dung về thủ tục khai và nộp lệ phí môn bài được quy định tại Nghị định 139 và Nghị định 22 để chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, chính xác; đồng thời lưu ý về thời điểm khai và nộp lệ phí môn bài khi mới thành lập hoặc khi hết thời gian hưởng ưu đãi miễn lệ phí môn bài, đặc biệt là các doanh nghiệp đang được miễn lệ phí môn bài.

Trang Bình luận

Một số bình luận về Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án 2020

Tuệ Đăng – Diệu Thảo

*Ngày 16/06/2020, Quốc hội thông qua Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án (**Luật HGĐTTTA**) và văn bản luật này sẽ chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021. Luật HGĐTTTA ra đời với mục tiêu tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có thêm lựa chọn về phương án giải quyết tranh chấp; đồng thời được kỳ vọng sẽ góp phần làm giảm tải áp lực án tồn đọng trong ngành tòa án. Trong Bản tin pháp luật số 09/2020, NHQuang sẽ khái quát cho Quý Khách hàng những quy định, nguyên tắc chính trong Luật HGĐTTTA và đưa ra một số bình luận, lưu ý nhằm giúp cho Quý Khách hàng có được cái nhìn tổng quan hơn về Luật này.*

Phạm vi hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Luật HGĐTTTA điều chỉnh 02 hoạt động chính bao gồm: Hòa giải tại Tòa án và Đối thoại tại Tòa án. Hòa giải tại Tòa án áp dụng với các vụ việc dân sự[12] còn Đối thoại tại Tòa án áp dụng với các vụ kiện hành chính[13]. So sánh giữa hoạt động hòa giải, đối thoại (**HGĐT**) theo Luật HGĐTTTA và hoạt động HGĐT trong tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự và Bộ luật Tố tụng hành chính, có thể thấy 02 hoạt động này khác nhau ở những điểm sau:

(i) Chủ thể giải quyết (Hòa giải viên đối với hoạt động HGĐTTTA, Thẩm phán đối với hoạt động HGĐT trong tố tụng); và

(ii) Thời điểm giải quyết (HGĐTTTA được thực hiện trước khi Tòa thụ lý vụ việc[14], HGĐT trong tố tụng được thực hiện sau khi Tòa án thụ lý vụ việc và trước khi diễn ra phiên tòa sơ thẩm[15]).

Cần lưu ý thêm rằng Luật HGĐTTA sẽ không áp dụng đối với hoạt động HGĐT đã được luật khác quy định[16] (hòa giải tại một số luật khác có thể kể đến như Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật Trọng tài thương mại, Bộ luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng).

Hoà giải tại Toà án	Đối thoại tại Toà án
• Hoạt động hòa giải do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý **vụ việc dân sự**, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự.	• Hoạt động đối thoại do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý **vụ án hành chính**, nhằm hỗ trợ các bên tham gia đối thoại thống nhất giải quyết khiếu kiện hành chính.

Bàn luận về phạm vi HGĐTTTA, đã có nhiều quan điểm không đồng nhất trong quá trình xây dựng luật. *Quan điểm thứ nhất* cho rằng, Luật này chỉ nên giới hạn phạm vi và đối tượng HGĐTTTA là những tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính. Quy định theo hướng này giúp giảm số lượng các tranh chấp mà Tòa án phải thụ lý, xét xử; phù hợp với điều kiện về cơ sở vật chất, số lượng Hòa giải viên/Đối thoại viên; không chồng chéo, mâu thuẫn với các cơ chế hòa giải, đối thoại hiện có; không phải sửa đổi các luật có liên quan.

Quan điểm thứ hai khuyến khích việc mở rộng phạm vi áp dụng đối với những trường hợp tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhưng các bên không lựa chọn xét xử theo tố tụng mà lựa chọn cơ chế HGĐTTTA. Quy định theo hướng này sẽ tạo điều kiện và khuyến khích các bên lựa chọn giải quyết tranh chấp bằng hòa giải, đối thoại mà vẫn không chồng chéo, mâu thuẫn với các cơ chế pháp lý hiện hành.

Trước những tranh luận nói trên, Quốc hội đã đồng tình và xây dựng Luật theo quan điểm thứ nhất.

Chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Trong quá trình xây dựng Luật, đã có ý kiến cho rằng Nhà nước nên có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho hoạt động HGĐTTTA; không thu lệ phí để góp phần khuyến khích các bên sử dụng phương thức này để giải quyết tranh chấp, đặc biệt là khi HGĐTTTA mới được áp dụng, cần có thời gian để đi vào cuộc sống. Với việc giải quyết thông qua HGĐTTTA và nếu HGĐT thành, vụ việc không phải qua thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của các luật tố tụng cùng với việc các bên tự nguyện thi hành kết quả giải quyết sẽ tiết kiệm một khoản kinh phí rất lớn cho ngân sách Nhà nước.[17] Thực tiễn thí điểm cho thấy việc giải quyết tranh chấp thông qua HGĐTTTA đã giảm khoảng 80% chi phí so với mức chi để xét xử một vụ việc theo thủ tục sơ thẩm[18].

Khác với ý kiến trên, có quan điểm phản biện nhận định rằng bên cạnh việc có chính sách tài chính hỗ trợ, khuyến khích các bên lựa chọn HGĐTTTA, cũng cần quy định thu lệ phí đối với một số trường hợp nhất định với mức thu hợp lý để chia sẻ gánh nặng tài chính với ngân sách Nhà nước.[19]

Sau khi cân nhắc và đánh giá tác động các phương án như trên, TANDTC đã đưa ra quy định dung hoà cả 02 quan điểm như sau:

Chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án do ngân sách Nhà nước bảo đảm, trừ các trường hợp sau đây thì chi phí hòa giải do các bên tham gia hòa giải, đối thoại chịu:[20]

(i) Chi phí hòa giải tại Tòa án đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch;

(ii) Chi phí khi các bên thống nhất lựa chọn địa điểm HGĐT ngoài trụ sở Tòa án;

(iii) Chi phí khi Hòa giải viên xem xét hiện trạng tài sản liên quan đến vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính mà tài sản đó nằm ngoài phạm vi địa giới hành chính của tỉnh nơi Tòa án có thẩm quyền giải quyết có trụ sở;

(iv) Chi phí phiên dịch tiếng nước ngoài.

Nguyên tắc bảo mật thông tin[21]

Bảo đảm bí mật về vụ việc được coi là ưu điểm lớn của phương thức hoà giải so với các phương thức giải quyết tranh chấp khác. Tính bảo mật trong hoà giải bao gồm 02 khía cạnh: (i) cơ chế hoà giải phải bảo đảm bí mật thông tin vụ việc với bên thứ ba; (ii) hoà giải viên phải bảo đảm bí mật về quan điểm xử lý tranh chấp của mỗi bên mà không được tiết lộ cho bên kia. Trên cơ sở 02 khía cạnh này, Luật HGĐTTTA quy định thông tin mà các bên cung cấp trong quá trình hoà giải không được sử dụng làm chứng cứ tại các thủ tục giải quyết tranh chấp khác[22] (việc áp dụng nguyên tắc này sẽ gỡ bỏ tâm lý thận trọng của các bên tham gia hòa giải). Tuy nhiên, Luật HGĐTTTA cũng quy định trường hợp ngoại lệ, theo đó nếu lời trình bày/tài liệu nằm trong phạm vi thông tin theo quy định hiện hành của Bộ luật Hình sự, những thông tin này vẫn sẽ được sử dụng làm chứng cứ theo quy định của Bộ luật này[23].

***Lưu ý**: Tất cả các phân tích và nhận định trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Do vậy, để có được ý kiến tư vấn cho các trường hợp cụ thể, Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.*

Danh mục văn bản mới ban hành

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
1.	Nghị định 94/2020/NĐ-CP quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia	21/08/2020	05/10/2020
2.	Thông tư 75/2020/TT-BTC sửa đổi Thông tư 279/2016/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm do Bộ Tài chính ban hành	12/08/2020	12/08/2020
3.	Thông tư 77/2020/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 81/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	14/08/2020	28/09/2020
4.	Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH về Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	20/08/2020	05/10/2020
5.	Quyết định 22/2020/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi Dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ	10/08/2020	10/08/2020
6.	Quyết định 1040/QĐ-BHXH năm 2020 về mẫu Báo cáo tình hình sử dụng lao động và danh sách tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành	18/08/2020	18/08/2020

NHÓM BIÊN SOẠN

Nguyễn Thùy Dương
Doanh nghiệp, Bảo hiểm, Hợp đồng, Lao động, Phân tích chính sách
thuyduong@nhquang.com

Phạm Thị Thu Hà
Thuế, Tài chính
thuha@nhquang.com

Lưu Tuệ Đăng
Lao động, SHTT, Giải quyết tranh chấp
tuedang@nhquang.com

Vũ Thị Diệu Thảo
Doanh nghiệp, Hợp đồng, Lao động, Phân tích chính sách
dieuthao@nhquang.com

Nguyễn Thị Kim Anh
Lao động, SHTT, Giải quyết tranh chấp
kimanh@nhquang.com

Lê Hải Linh
Doanh nghiệp, Lao động, Phân tích chính sách
hailinh@nhquang.com

Trần Thị Mỹ Hiệp
Doanh nghiệp, Kinh doanh
myhiep@nhquang.com

---

[1] Thông tư 11, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 9

[2] Thông tư 11, Điều 9, Điều 10

[3] Thông tư 11, Điều 19

[4] Bảo Ngọc, *Quy tắc xuất xứ trong EVFTA: Hiểu đúng, hưởng lợi lớn*, Báo Công Thương Điện Tử, 07/07/2020. Xem thêm tại: https://congthuong.vn/quy-tac-xuat-xu-trong-evfta-hieu-dung-huong-loi-lon-140093.html

[5] Thông tư 11, Điều 16

[6] Linh Nga, *Đã có cơ sở pháp lý quan trọng để hàng hóa xuất khẩu đi EU*, Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp điện tử, 24/06/2020. Xem thêm tại: https://enternews.vn/da-co-co-so-phap-ly-quan-trong-de-hang-hoa-xuat-khau-di-eu-175941.html

[7] Nghị định 22, Điều 1, khoản 1; Thông tư 65, Điều 1, khoản 2

[8] Ngoài doanh nghiệp, Nghị định 22 và Thông tư 65 còn bổ sung thêm các đối tượng khác được miễn lệ phí môn bài, bao gồm: (i) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả Đơn vị phụ thuộc) hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, (ii) Quỹ tín dụng nhân dân kinh doanh tại địa bàn miền núi (địa bàn miền núi được xác định theo quy định của Ủy ban Dân tộc), (iii) Hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân lần đầu ra hoạt động sản xuất, kinh doanh, (iv) Cơ sở giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục mầm non công lập, (v) các tổ chức khác không phải doanh nghiệp như tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức khác hoạt động sản xuất, kinh doanh

(Nội dung chi tiết được quy định tại khoản 2, Điều 1, Thông tư 65)

[9] Thông tư 302 hướng dẫn về lệ phí môn bài, Điều 5, khoản 1, điểm a.1 và điểm a.3; Nghị định 139, Điều 5, khoản 1

[10] Nghị định 22, Điều 1, khoản 3; Thông tư 65, Điều 1, khoản 5

[11] Thời báo Tài chính Việt Nam, *Miễn lệ phí môn bài sẽ khuyến khích đầu tư kinh doanh*, 23/11/2019, truy cập đường link: http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thue-voi-cuoc-song/2019-11-23/mien-le-phi-mon-bai-se-khuyen-khich-dau-tu-kinh-doanh-79346.aspx

[12] Luật HGĐTTTA, Điều 1, khoản 2, Điều 2, khoản 2

Cụ thể là các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn (gọi chung là vụ việc dân sự), theo quy định của Bộ luật Tố tụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[13] Luật HGĐTTTA, Điều 1, khoản 2, Điều 2, khoản 3

Cụ thể là những khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính theo quy định Luật Tố tụng hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[14] Luật HGĐTTTA, Điều 1, khoản 2

[15] Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 205, khoản 1

[16] Luật HGĐTTTA, Điều 1, khoản 3

[17] Tờ trình số 28/TTr-TANDTC về Luật HGĐTTTA, trang 12

[18] Tờ trình số 28/TTr-TANDTC về Luật HGĐTTTA, trang 12

[19] Tờ trình số 28/TTr-TANDTC về Luật HGĐTTTA, trang 13

[20] Luật HGĐTTTA, Điều 9

[21] Luật HGĐTTTA, Điều 4

[22] Luật HGĐTTTA, Điều 4, khoản 3

Nguyễn Hưng Quang, *Góp ý báo cáo đánh giá mô hình thí điểm về hòa giải, đối thoại tại tòa án Việt Nam và dự thảo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án*, UNDP_TANDTC, Hội thảo 15/05/2020, trang 3

[23] Luật HGĐTTTATTA, Điều 4, khoản 3, điểm b

Nguyễn Hưng Quang, *Góp ý Báo cáo nghiên cứu và Dự thảo Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án*, UNDP_TANDTC, Hội thảo 15/05/2020, trang 3 và 4